

to love

eight

father

cup

Beijing

measure word for
books

not

you're welcome

dish

爸爸

bà ba

八

bā

爱

ài

本

běn

北京

běi jīng

杯子

bēi zi

菜

cài

不客气

bù kè qì

不

bù

tea

to eat

taxi

to make a telephone
call

big

possessive particle

point

computer

television

出租车

chū zū chē

吃

chī

茶

chá

的

de

大

dà

打电话

dǎ diàn huà

电视

diàn shì

电脑

diàn nǎo

点

diǎn

movie

thing

all

to read

I'm sorry

many

how much

son

two

都

dōu

东西

dōng xi

电影

diàn yǐng

多

duō

对不起

duì bu qǐ

读

dú

二

èr

儿子

ér zi

多少

duō shǎo

restaurant

airplane

minute

happy

measure word

to work

dog

Chinese language

good

分钟

fēn zhōng

飞机

fēi jī

饭馆

fàn guǎn

工作

gōng zuò

个

gè

高兴

gāo xìng

好

hǎo

汉语

hàn yǔ

狗

gǒu

to drink

and

very

the back

to return

can

train station

how many

home

很

hěn

和

hé

喝

hē

会

huì

回

huí

后面

hòu mian

家

jiā

几

jǐ

火车站

huǒ chē zhàn

to shout

today

nine

to open

to see

to catch sight of

piece

to come

teacher

九

jiǔ

今天

jīn tiān

叫

jiào

看见

kàn jiàn

看

kàn

开

kāi

老师

lǎo shī

来

lái

块

kuài

completed-action particle	cold	inside
zero	six	mama
question particle	to buy	cat

里

lǐ

冷

lěng

了

le

妈妈

mā ma

六

liù

零

líng

猫

māo

买

mǎi

吗

ma

not have

it doesn't matter

rice

name

tomorrow

which

that

follow-up question
particle

to be able to

米饭

mǐ fàn

没关系

méi guān xi

没

mò

哪

nǎ

明天

míng tiān

名字

míng zi

能

néng

呢

ne

那

nà

you

year

daughter

friend

pretty

apple

seven

ahead

money

女儿

nǚ ér

年

nián

你

nǐ

苹果

píng guǒ

漂亮

piào liang

朋友

péng you

钱

qián

前面

qián miàn

七

qī

to ask

to go

hot

person

to know

sun

three

store

up

热

rè

去

qù

请

qǐng

日

rì

认识

rèn shi

人

rén

上

shàng

商店

shāng diàn

三

sān

morning

few

what?

ten

time

to be

book

who

water

什么

shén me

少

shǎo

上午

shàng wǔ

是

shì

时候

shí hou

十

shí

水

shuǐ

谁

shéi

书

shū

fruit

to go to bed

to speak

four

years old

he

she

too

weather

说话

shuō huà

睡觉

shuì jiào

水果

shuǐ guǒ

他

tā

岁

suì

四

sì

天气

tiān qì

太

tài

她

tā

to listen to

to study at the same
school

hello

I

we

five

to like

down

afternoon

喂

wèi

同学

tóng xué

听

tīng

五

wǔ

我们

wǒ men

我

wǒ

下午

xià wǔ

下

xià

喜欢

xǐ huan

to rain

gentleman

now

to think

small

young lady

some

to write

to thank

现在

xiàn zài

先生

xiān sheng

下雨

xià yǔ

小姐

xiǎo jie

小

xiǎo

想

xiǎng

谢谢

xiè xie

写

xiě

些

xiē

week

student

to learn

school

one

clothes

doctor

hospital

chair

学习

xué xí

学生

xué sheng

星期

xīng qī

衣服

yī fu

一

yī

学校

xué xiào

椅子

yǐ zi

医院

yī yuàn

医生

yī shēng

to have

moon

goodbye

to exist

how?

how about?

this

China

noon

再见

zài jiàn

月

yuè

有

yǒu

怎么样

zěn me yàng

怎么

zěn me

在

zài

中午

zhōng wǔ

中国

zhōng guó

这

zhè

to live

table

letter

yesterday

to sit

to make

字

zì

桌子

zhuō zi

住

zhù

做

zuò

坐

zuò

昨天

zuó tiān